

Bản án số: **09/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 01 - 3 - 2023

V/v : Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thanh N, sinh ngày 01/01/1987, địa chỉ: Số 94, ấp T, xã T2, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lưu Trí D – Luật sư văn phòng luật sư N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: số 351, đường Nguyễn Văn L, Khóm 3, Phường 2 thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Tran Huu P (Tran P, Trần Hữu P), sinh ngày 06/9/1959, địa chỉ cũ: Vaniljakuja 1b C24-Helsinki - Phần Lan. Địa chỉ mới: KoTiKon NunTiE2 –C68 00940- Helsinki – Findland (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/03/2022 nguyên đơn bà Huỳnh Thanh N trình bày: Chị và anh Tran Huu P (Tran Phương) tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị N sống chung với nhau khoảng 01 tháng tại Việt Nam. Trong thời gian sống chung vợ chồng chị Nhanh thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm. Khi anh P trở về Phần Lan thì Chị N và anh P ít liên lạc với nhau. Đến tháng 9/2018 cho đến nay Chị N và anh P không còn liên lạc với nhau, trong thời gian chung sống, Chị N và anh Tran Huu P không có con chung và không tạo lập được tài

sản chung, cũng không có phát sinh khoản nợ chung. Nay Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Tran Huu P (Tran Phuong, Trần Hữu P).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Hữu P đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có ấn định ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ấn định ngày đưa vụ án ra xét xử. Sau khi nhận thông báo thụ lý ông Trần Hữu P có văn bản trình bày đối với nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thanh N anh hoàn toàn đồng ý. Bởi đến thời điểm bây giờ anh hoàn toàn không còn tình cảm, không liên lạc gửi tiền hay cấp dưỡng gì cho Chị N nữa, anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết việc ly hôn của anh. Ngày 01/02/2023 anh Trần Hữu P có văn bản đề nghị Tòa án xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt anh với lý do anh thống nhất với yêu cầu của chị Huỳnh Thanh N và hiện nay do anh sinh sống ở Phần Lan không đến Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng để nộp các văn bản, đơn từ cần thiết và cũng không trực tiếp nhận các bản bản tố tụng, quyết định, bản án của Tòa án nên anh ủy quyền cho luật sư Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976. Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T, địa chỉ số 5, đường P, Khóm 2, Phường 2, thành phố T nộp các văn bản cần thiết khác và luật sư Trang cũng có quyền thay mặt anh nhận các văn bản tố tụng và bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổng đạt cho anh trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thanh N với lý do giữa bà Nhanh và ông Tran Huu P không còn tình cảm với nhau và mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được và ông Tran Huu P cũng đồng ý ly hôn với Chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Huỳnh Thanh N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Tran Huu P (Tran Phuong); về con chung không có; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án có đương sự cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Tran Huu P là người có quốc Phần Lan, hiện nay cũng đang sinh sống và làm việc ở Phần Lan, tại địa chỉ KoTiKon NunTiE2-C68 00940Helsinki - Finland. Sau khi thụ lý vụ án, vào ngày 01/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 10/TB-TLVA ngày 24/3/2022 cho cho anh Tran Huu P để thông báo cho anh P biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của Chị N. Sau đó, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 1719/CH-BTP ngày 03/6/2022 thông báo về việc đã gửi hồ sơ Ủy thác tư pháp cho Bộ tư pháp Phần Lan để đề nghị thực hiện việc ủy thác tư pháp và công văn số 2339 ngày 05/9/2022 thông báo kết quả thực hiện việc Ủy thác tư pháp là cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Phần Lan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 08/7/2022 bằng phương thức “Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự”, kèm theo văn bản thì Bộ Tư pháp có gửi các tài liệu có liên quan đến việc thực hiện ủy thác tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần Hữu P và anh P cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tran Huu P.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh P sống ở nhà Chị N được 01 tháng thì về Phần Lan, còn Chị N thì ở lại Việt Nam chờ ngày anh P bảo lãnh sang Phần Lan cùng chồng, nhưng do trong thời gian chung sống thì vợ chồng đã bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau. Khi anh P về Phần lan thì vợ chồng ít liên quan với nhau và đến tháng 09/2018 thì vợ chồng cắt đứt liên lạc với nhau. Xét thấy, việc kết hôn giữa Chị N và anh P quen biết với nhau trong thời gian ngắn và chung sống với nhau chỉ một tháng thì vợ chồng xa nhau, trong thời gian chung sống ngắn ngủi thì vợ chồng cũng không đồng quan điểm hay cãi nhau, do vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn, có sự bất đồng quan điểm, cũng như quan niệm sống thì vợ chồng không thông cảm với nhau là nguyên nhân dẫn đến việc sau khi kết hôn hai người bất đồng quan điểm thì hai người không có thiện chí gặp nhau tìm biện pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà lại không liên lạc với nhau, mỗi người sống một nơi. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng của Chị N và anh P không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người và anh P cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của Chị N. Do vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh P của Chị N là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh P trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Chị N và anh P trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng, chi phí ủy thác tư pháp 200.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thanh N được ly hôn với anh Tran Huu P (Tran Phuong, Trần Hữu P)

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Huỳnh Thanh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0000346, ngày 17/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Huỳnh Thanh N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Chi phí ủy thác tư pháp: chị Huỳnh Thanh N phải chịu là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0001997 ngày 19/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Huỳnh Thanh N đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Huỳnh Thanh N cư trú tại Việt Nam và có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn anh Tran Huu P cư trú tại nước ngoài và không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND huyện Trần Đề (01);
- Lưu HSVA - Tổ HCTP (02).

(đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy